

**VN-Index** **1614.77 (1.48%)**  
 818 Tr. cổ phiếu 20561.5 Tỷ VND (-30.02%)

**HNX-Index** **243.81 (2.64%)**  
 69 Tr. cổ phiếu 1188.0 Tỷ VND (-32.00%)

**UPCOM-Index** **122.73 (1.16%)**  
 35 Tr. cổ phiếu 514.7 Tỷ VND (-39.82%)

**VN30F1M** **1773.90 (1.95%)**  
 292,181 HD OI: 38,362 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1614.8, tăng +23.6 điểm (+1.48%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với thị trường sau tín hiệu hạ nhiệt căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Tuy nhiên, Mỹ và Iran vẫn đang phát đi các thông tin trái chiều về đàm phán ngừng bắn giữa hai bên.  
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: DXS (+6.2%), TCH (+6.7%), NLG (+6.8%) | Bảo hiểm: BVH (+6.9%), MIG (+6.9%) | Ngân hàng: TPB (+4.6%), VPB (+5.2%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: HAH (+4.6%), GEE (+4.9%), PAC (+6.9%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (+3.0%), SAB (+5.1%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: REE (+2.0%), NT2 (+5.1%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Dầu khí: PLX (-2.9%), PVD (-2.3%).  
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VPB, CTG, TCB, VCB, MBB - Chiều giảm | VIC, PLX, TCX, PGV, PVD  
 Khối ngoại Bán ròng gần 580 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, MWG, VHM, trong khi mua ròng BSR, VCK, VCI.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer, song, trạng thái vận động vẫn trong thân nến giảm của phiên trước, hàm ý áp lực cung chưa suy giảm. Thanh khoản cũng hạ nhiệt cho thấy lực cầu mua lên còn thận trọng. Do đó, nhịp hồi hiện tại mang tính kỹ thuật và cần thêm các phiên xác nhận. Trong ngắn hạn, chỉ số có thể tiếp tục rung lắc quanh vùng 1600 điểm nhằm kiểm định cung - cầu. Động lượng tăng chỉ được củng cố khi Vn-Index vượt và duy trì trên ngưỡng 1650 điểm, qua đó mở ra dư địa hướng tới mốc kháng cự 1700 điểm. Chiều ngược lại, vùng 1580-1600 điểm vẫn đóng vai trò hỗ trợ trung hạn quan trọng cho xu hướng.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến tăng Marubozu, phủ định được đà giảm phiên trước nhưng thanh khoản chưa đồng thuận. Vận động có thể trở lại rung lắc, củng cố thêm nền giá quanh vùng 240 - 246.
- **Chiến lược:** Tỷ trọng danh mục tiếp tục duy trì ở mức an toàn, ưu tiên đứng ngoài quan sát thêm thị trường. Chiều tham gia chỉ nên cân nhắc khi xuất hiện mẫu hình đảo chiều đáng tin cậy, cùng với mặt bằng cổ phiếu phục hồi theo hướng lan tỏa. Vị thế lướt sóng (đối với khẩu vị rủi ro cao) có thể chú ý nhóm Điện, Bảo hiểm, Bất động sản. Tuy nhiên, cần lưu ý diễn biến của chỉ số chung vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến biến động của từng cổ phiếu riêng lẻ.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi PAC (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | Giá đóng cửa | % Thay đổi |        |        | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                    |                     | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                    |                     |
|-----------------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|---|--------------------|---------------------|
|                             |              | (%) 1D     | (%) 1W | (%) 1M |                            | 01 phiên trước                       | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                                 | 01 phiên trước                          | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |   |                    |                     |
| VN-Index                    | 1,614.8 ▲    | 1.5%       | -5.6%  | -13.5% | 20,561.5 ▼                 | -30.0%                               | -19.4%             | -37.0%              | 817.5 ▼                         | -30.6%                                  | -8.0%              | -18.8%              |
| HNX-Index                   | 243.8 ▲      | 2.6%       | -1.2%  | -7.2%  | 1,188.0 ▼                  | -32.0%                               | -16.0%             | -33.5%              | 68.8 ▼                          | -28.5%                                  | -11.5%             | -11.9%              |
| UPCOM-Index                 | 122.7 ▲      | 1.2%       | -2.2%  | -4.1%  | 514.7 ▼                    | -39.8%                               | -38.4%             | -39.1%              | 35.3 ▼                          | -19.7%                                  | -19.6%             | -4.0%               |
| VN30                        | 1,770.2 ▲    | 1.7%       | -5.5%  | -13.7% | 10,776.4 ▼                 | -34.4%                               | -12.2%             | -43.5%              | 320.0 ▼                         | -35.1%                                  | -2.8%              | -33.7%              |
| VNMID                       | 2,076.6 ▲    | 2.8%       | -3.7%  | -9.9%  | 7,544.6 ▼                  | -26.9%                               | -24.2%             | -27.8%              | 348.6 ▼                         | -26.6%                                  | -13.6%             | -11.0%              |
| VNSML                       | 1,377.6 ▲    | 2.2%       | -2.6%  | -9.2%  | 1,277.5 ▼                  | -16.2%                               | 5.6%               | -26.6%              | 78.1 ▼                          | -24.0%                                  | -9.5%              | -18.2%              |
| <b>Theo ngành (VNIndex)</b> |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |   |                    |                     |
| Ngân hàng                   | 602.6 ▲      | 2.2%       | -4.07% | -13.3% | 5,329.4 ▼                  | -34.92%                              | -22.1%             | -27.1%              | 215.8 ▼                         | -35.8%                                  | -19.1%             | -24.8%              |
| Bất động sản                | 646.2 ▬      | 0.2%       | -8.9%  | -17.7% | 3,355.1 ▼                  | -10.0%                               | -13.1%             | -9.3%               | 159.1 ▲                         | 2.2%                                    | 20.6%              | 19.0%               |
| Dịch vụ tài chính           | 301.8 ▲      | 1.5%       | -4.0%  | -10.9% | 2,729.9 ▼                  | -40.4%                               | -34.6%             | -36.4%              | 119.4 ▼                         | -45.3%                                  | -34.6%             | -30.1%              |
| Công nghiệp                 | 250.3 ▲      | 3.0%       | -2.1%  | -11.8% | 998.7 ▼                    | -24.4%                               | -31.3%             | -45.4%              | 34.0 ▼                          | -15.8%                                  | -15.6%             | -34.3%              |
| Tài nguyên cơ bản           | 510.0 ▲      | 1.8%       | -4.6%  | -7.8%  | 854.0 ▼                    | -37.7%                               | -29.7%             | -51.3%              | 36.5 ▼                          | -40.9%                                  | -31.7%             | -48.8%              |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 170.6 ▲      | 2.1%       | -6.2%  | -10.6% | 1,102.1 ▼                  | -27.3%                               | -24.7%             | -27.3%              | 54.8 ▼                          | -29.3%                                  | -18.2%             | -17.6%              |
| Thực phẩm                   | 501.9 ▲      | 1.5%       | -11.1% | -35.7% | 982.0 ▼                    | -45.8%                               | -50.3%             | -53.0%              | 28.6 ▼                          | -36.3%                                  | -26.2%             | -33.7%              |
| Bán Lẻ                      | 1,453.2 ▲    | 3.1%       | -6.1%  | -17.1% | 1,191.2 ▼                  | -31.3%                               | 18.1%              | 4.1%                | 18.5 ▼                          | -25.6%                                  | 25.6%              | 17.3%               |
| Công nghệ                   | 406.5 ▲      | 2.9%       | -6.4%  | -22.0% | 499.0 ▼                    | -50.0%                               | -51.9%             | -66.6%              | 7.2 ▼                           | -51.9%                                  | -50.4%             | -63.8%              |
| Hóa chất                    | 167.2 ▬      | 0.7%       | -12.6% | -16.6% | 850.9 ▼                    | -29.6%                               | -43.8%             | -52.1%              | 22.1 ▼                          | -33.5%                                  | -43.4%             | -49.1%              |
| Tiện ích                    | 761.9 ▬      | 0.2%       | -4.7%  | -14.9% | 484.0 ▼                    | -37.1%                               | -32.7%             | -51.2%              | 20.6 ▼                          | -37.7%                                  | -32.6%             | -47.0%              |
| Dầu khí                     | 108.2 ▼      | -0.2%      | -17.1% | -8.4%  | 1,063.9 ▼                  | -12.9%                               | -18.9%             | -34.8%              | 34.5 ▼                          | -12.0%                                  | -13.8%             | -17.2%              |
| Dược phẩm                   | 438.2 ▬      | 0.7%       | -2.1%  | -3.8%  | 31.7 ▼                     | -65.4%                               | -40.5%             | -25.9%              | 1.0 ▼                           | -76.8%                                  | -52.7%             | -43.2%              |
| Bảo hiểm                    | 122.8 ▲      | 6.3%       | 3.6%   | -7.5%  | 164.3 ▲                    | 225.7%                               | 210.9%             | 146.2%              | 3.3 ▲                           | 137.1%                                  | 191.3%             | 121.7%              |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,614.8 ▲    | 1.48%          | -9.5%  | 14.3x           | 1.9x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,410 ▬      | 0.93%          | 12.0%  | 15.8x           | 1.3x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 7,107 -      | -              | -17.8% | 17.7x           | 1.8x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 12,422 ▼     | -0.93%         | 1.0%   | 16.6x           | 1.4x |
| PSEi Index          | Phillipines | 5,936 ▬      | 0.63%          | -1.9%  | 9.9x            | 1.2x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,881 ▲      | 1.78%          | -2.2%  | 18.2x           | 1.5x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,064 ▲     | 2.79%          | -2.2%  | 12.4x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 52,252 ▲     | 1.43%          | 3.8%   | 20.3x           | 2.5x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,581 ▲      | 1.15%          | -3.9%  | 25.8x           | 5.1x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 46,208 ▲     | 1.38%          | -3.9%  | 22.9x           | 5.3x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,909 ▬      | 0.15%          | -0.2%  | 15.7x           | 2.2x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,566 ▼      | -0.14%         | -3.9%  | 16.6x           | 2.3x |
| DXY                 |             | 99.3 ▼       | -0.33%         | 1.0%   |                 |      |
| USDVND              |             | 26,354 ▬     | 0.09%          | 0.2%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

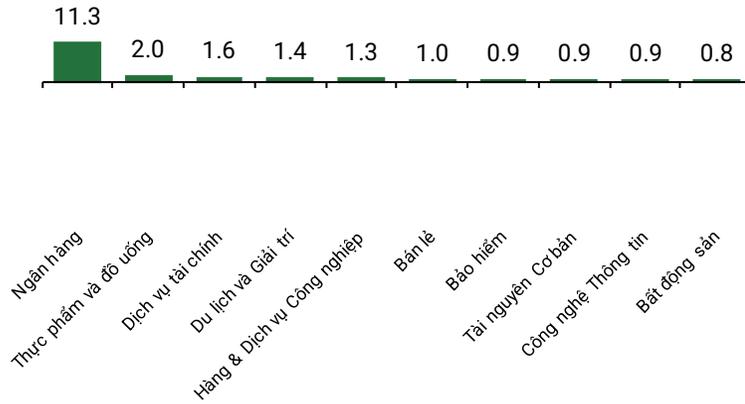
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▲ | 1.4%           | 43.2%  | 66.5%  | 38.8%  |
| Dầu WTI                   | ▲ | 2.4%           | 37.5%  | 57.2%  | 30.6%  |
| Khí gas                   | ▬ | 0.8%           | 0.0%   | -20.9% | -25.5% |
| Than cốc (*)              | ▬ | 0.0%           | -3.5%  | -3.5%  | 6.1%   |
| Thép HRC (*)              | ▬ | 0.6%           | 1.9%   | 1.1%   | -2.8%  |
| PVC (*)                   | ▼ | -2.7%          | 26.5%  | 31.9%  | 16.3%  |
| Phân Urea (*)             | ▬ | 0.0%           | 37.1%  | 63.2%  | 68.6%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▲ | 2.3%           | -3.0%  | 7.6%   | -2.6%  |
| Bông Cotton               | ▼ | -0.4%          | 5.4%   | 4.3%   | 2.4%   |
| Đường                     | ▼ | -0.4%          | 7.4%   | 4.1%   | -18.8% |
| World Container Index     | ▬ | 0.0%           | 13.2%  | -1.8%  | -4.0%  |
| Baltic Dirty tanker Index | ▬ | 0.0%           | 69.4%  | 136.5% | 213.9% |
| Vàng                      | ▬ | 0.6%           | -13.8% | 2.7%   | 47.3%  |
| Bạc                       | ▲ | 1.3%           | -19.6% | -2.3%  | 112.1% |

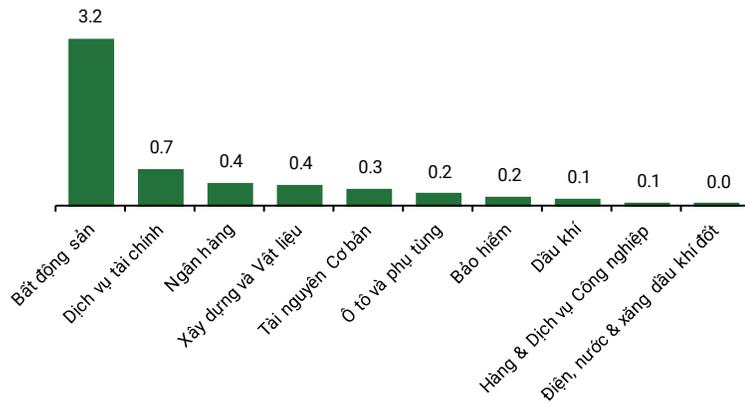
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

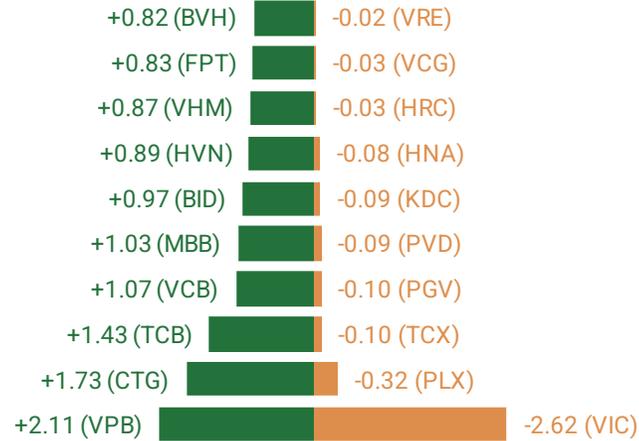
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



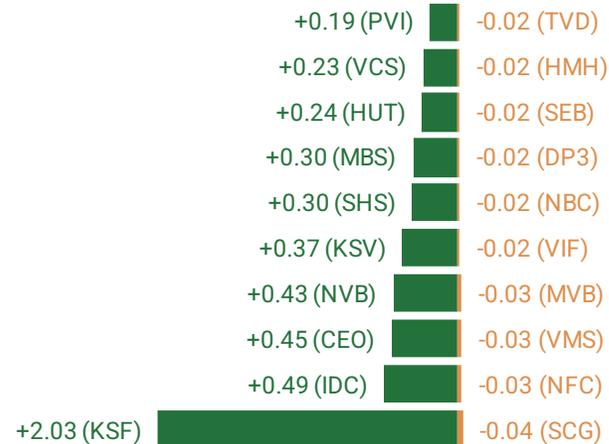
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

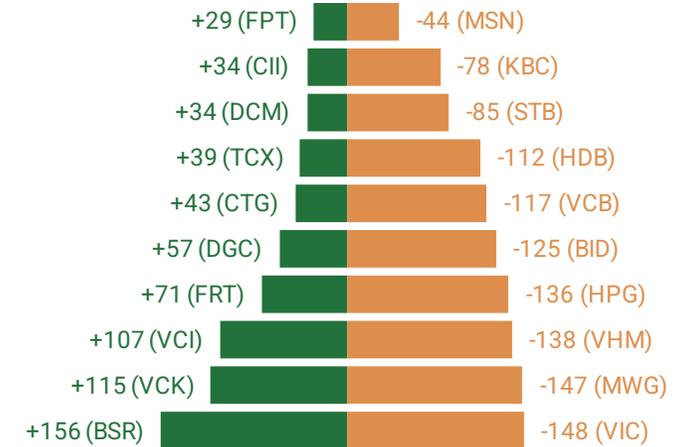


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

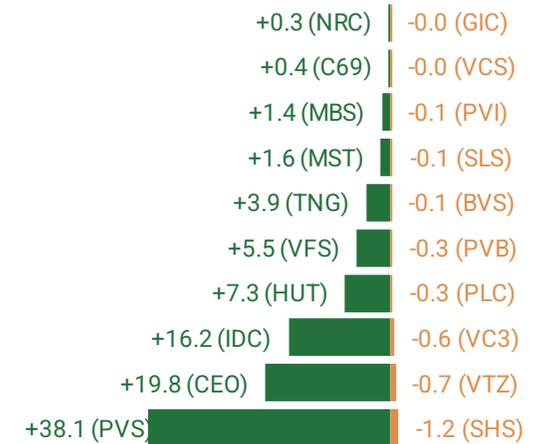


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

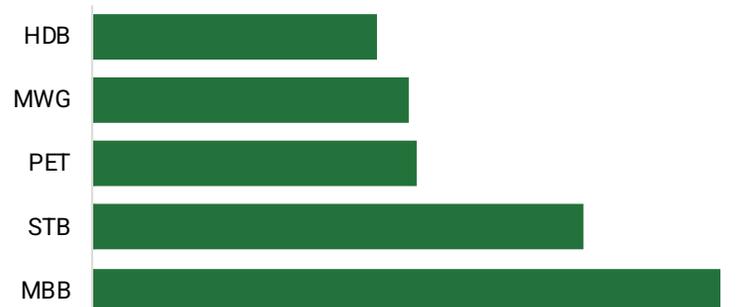


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



|         | VPB  | SSI  | HPG  | MWG  | BSR  |
|---------|------|------|------|------|------|
| %DoD    | 5.2% | 2.0% | 1.8% | 2.4% | 1.1% |
| Giá trị | 753  | 736  | 724  | 601  | 528  |

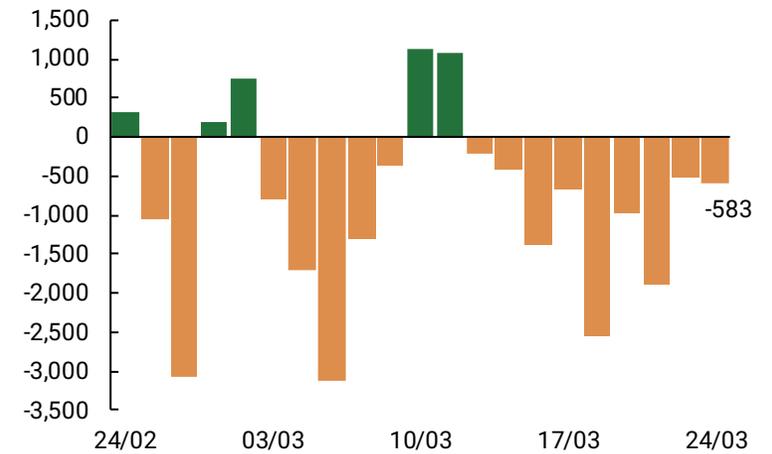
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



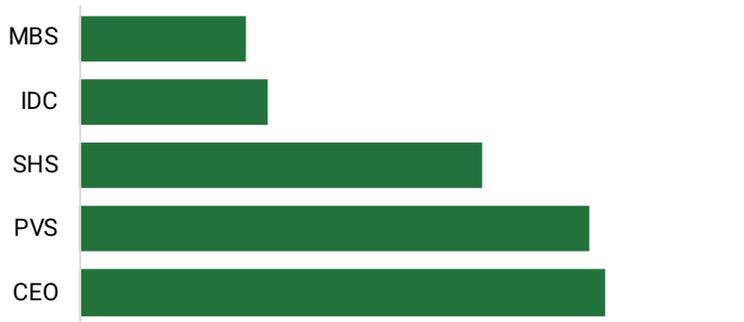
|         | MBB  | STB  | PET  | MWG  | HDB  |
|---------|------|------|------|------|------|
| %DoD    | 2.4% | 1.3% | 6.9% | 2.4% | 0.0% |
| Giá trị | 378  | 296  | 195  | 191  | 171  |

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



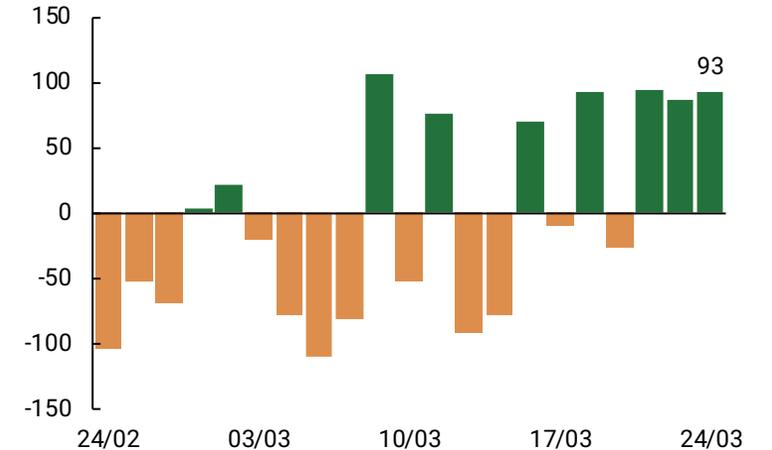
|         | CEO  | PVS  | SHS  | IDC  | MBS  |
|---------|------|------|------|------|------|
| %DoD    | 9.8% | 1.2% | 4.1% | 5.4% | 3.6% |
| Giá trị | 200  | 194  | 153  | 72   | 63   |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



|         | HUT  | MST  | SDN  | THB  | AAV  |
|---------|------|------|------|------|------|
| %DoD    | 2.5% | 3.7% | 0.0% | 0.0% | 1.6% |
| Giá trị | 102  | 3    | 2    | 0    | 0    |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Hammer nhưng nằm trong nến giảm phiên trước, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1580 | 1530.
- ✓ Kháng cự: 1700 | 1760.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

**Kịch bản:** Giá bật tăng trở lại nhưng chưa phủ định được đà giảm phiên trước. Bên cạnh đó, thanh khoản cũng giảm hàm ý động lực mua lên chưa thuyết phục. Phản ứng phục hồi mang tính kỹ thuật và có thể tiếp tục rung lắc, củng cố thêm ở các phiên sau. **Động lượng tăng được xác nhận khi chỉ số vượt và duy trì được trên ngưỡng 1650 điểm**, khi đó mục tiêu sẽ hướng về kiểm định mốc tâm lý 1700 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer nhưng nằm trong nến giảm phiên trước, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Dù bật tăng nhưng giá vẫn chưa phủ định được đà giảm phiên trước, cùng với thanh khoản thiếu đồng thuận, hàm ý lực cầu còn thận trọng và áp lực bán đang chi phối. **Tín hiệu vượt và củng cố được trên ngưỡng 1800 điểm sẽ củng cố hơn cho động lượng tăng**, khi đó mục tiêu có thể hướng lên vùng 1850 – 1860 điểm.

| STOCK           |                                   | STRATEGY     | Technical             |                         | Financial Ratio |        |
|-----------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------|-------------------------|-----------------|--------|
| <b>Ticker</b>   | <b>PAC</b>                        | <b>WATCH</b> | <b>Current price</b>  | <b>26.20</b>            | <b>P/E (x)</b>  | 15.5   |
| <b>Exchange</b> | HOSE                              |              | <b>Watch zone</b>     | <b>24.5 - 25</b>        | <b>P/B (x)</b>  | 1.8    |
| <b>Sector</b>   | Electrical Components & Equipment |              | <b>Target price</b>   | 28                      | <b>EPS</b>      | 1688.2 |
|                 |                                   |              | <b>Cut loss price</b> | 23.4                    | <b>ROE</b>      | 11.8%  |
|                 |                                   |              |                       | <b>Stock Rating</b>     | BB              |        |
|                 |                                   |              |                       | <b>Scale Market Cap</b> | Medium          |        |



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

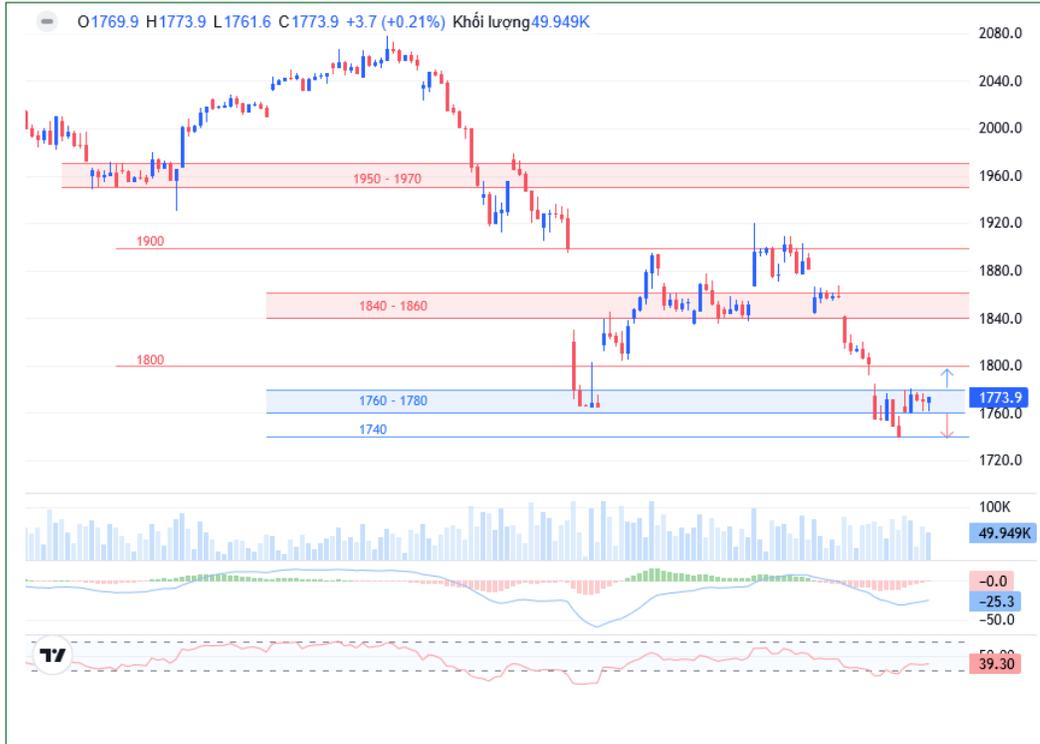
- Giá trở lại vận động trên MA20 ngày.
  - Chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - MA20 cắt lên MA50 và có xu hướng mở rộng, ủng hộ quán tính tăng.
- ➔ Xu hướng khả năng thoát khỏi nhịp điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát thêm tín hiệu kiểm định vùng giá 24.5 - 25.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | PAC   | Theo dõi    | 25/03/2026       | 26.20        | 24.5 - 25     | -              | 28.0         | 12.0%      | 23.4       | -6.4%      |         |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | REE   | Mua         | 19/03/2026       | -                         | 66.3         | 63.2 - 64     | 4.2%           | 70           | 10.10%     | 59.5       | -6.40%      |         |
| 2   | GEG   | Mua         | 19/03/2026       | -                         | 16.05        | 16.1 - 16.4   | -0.9%          | 18.4         | 13.20%     | 15         | -7.70%      |         |



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1773.9, tăng 33.9 điểm (+1.9%). Giá tạo "gap" phục hồi đầu phiên nhưng đã nhanh chóng mất đà và trở lại trạng thái đi ngang.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cải thiện, tuy nhiên RSI vẫn trong trạng thái phục hồi yếu, cho thấy áp lực điều chỉnh còn chi phối. Giá hiện đang dao động kiểm định trong vùng 1760 – 1780 điểm, việc phá vỡ các biên sẽ cho xu hướng rõ ràng hơn. Theo đó, vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1782. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1758.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1699, tăng 32.4 điểm (+1.9%). Độ lệch basis 2.2 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 103 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1680 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1720 điểm.

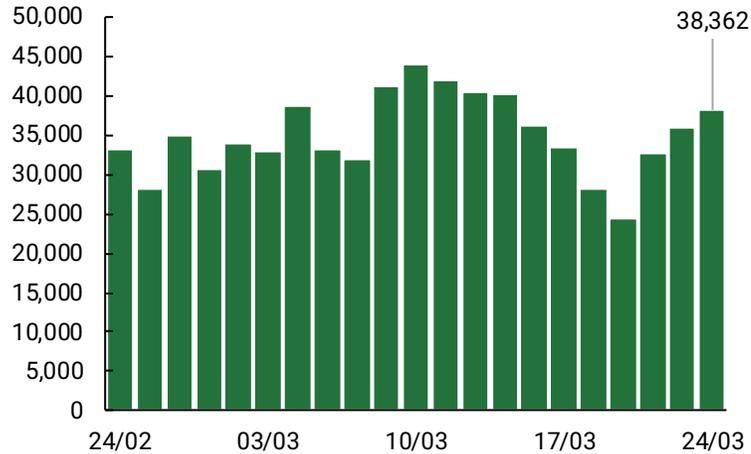
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|------------------|
| Long   | > 1782   | 1798     | 1772   | 16 : 10          |
| Short  | < 1758   | 1744     | 1767   | 14 : 09          |

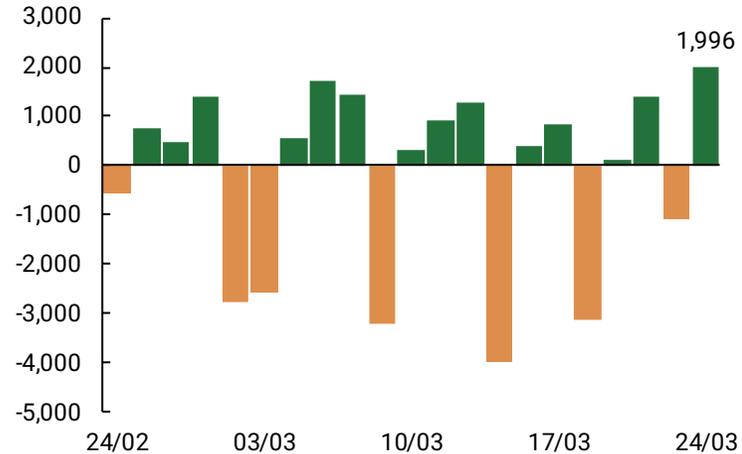
### Thống kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 4111G9000   | 1,764.8      | 29.8            | 70           | 313    | 1,783.2       | -18.4      | 17/09/2026      | 177                     |
| 4111G6000   | 1,766.4      | 36.3            | 100          | 922    | 1,776.5       | -10.1      | 18/06/2026      | 86                      |
| 4111G5000   | 1,770.0      | 30.0            | 398          | 353    | 1,774.4       | -4.4       | 21/05/2026      | 58                      |
| 4111G4000   | 1,773.9      | 33.9            | 292,181      | 38,362 | 1,771.8       | 2.1        | 16/04/2026      | 23                      |
| 4112G4000   | 1,699.0      | 32.4            | 103          | 39     | 1,698.5       | 0.5        | 16/04/2026      | 23                      |

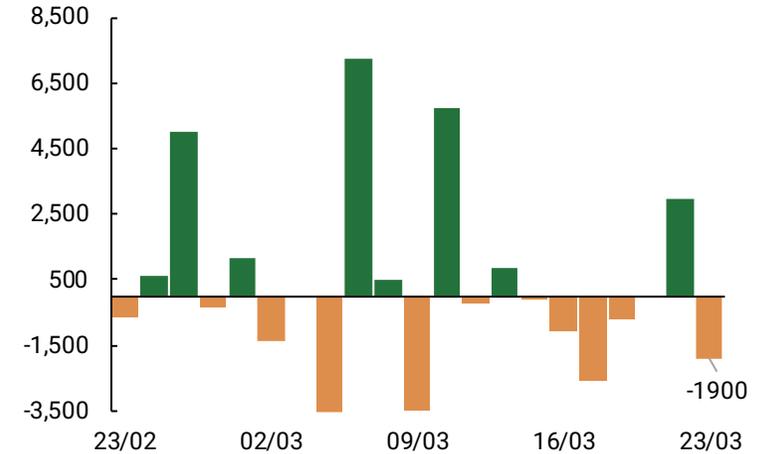
Khối lượng mở (Open interest)



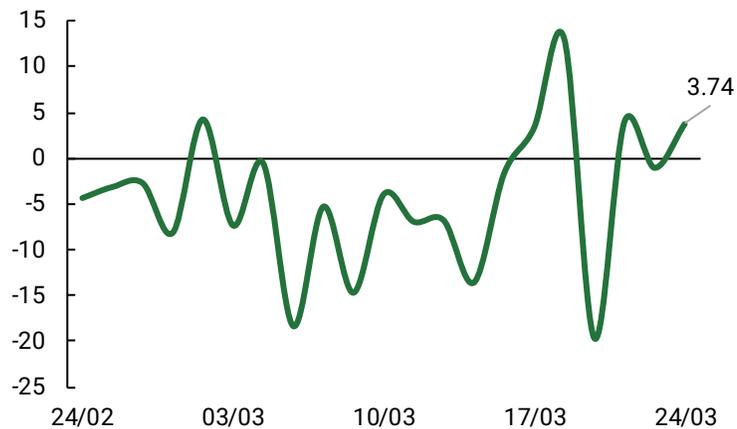
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



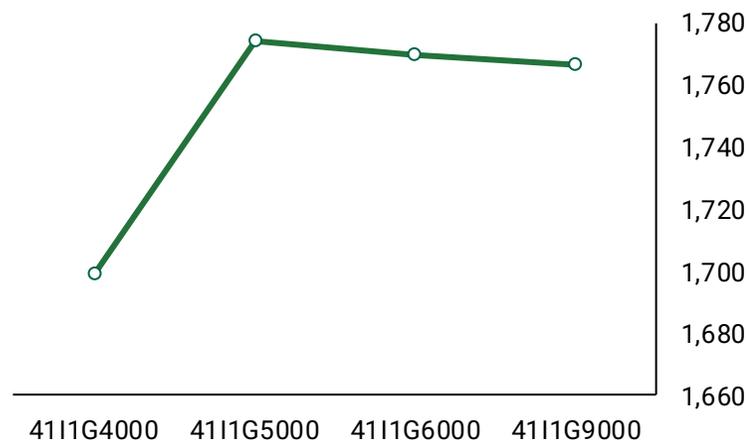
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



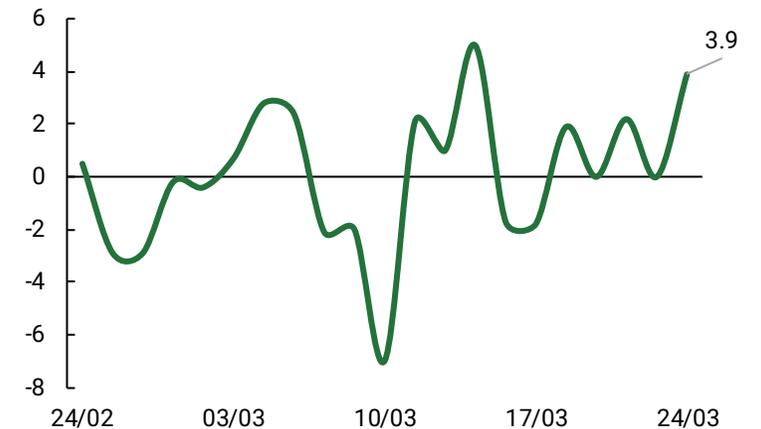
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



### THÔNG TIN VĨ MÔ

|       |  |
|-------|--|
| 02/03 | Vietnam & US – PMI Index   |
| 06/03 | Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp<br>Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô   |
| 09/03 | Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI   |
| 11/03 | Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)  |
| 13/03 | Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu<br>Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới   |
| 18/03 | Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)   |
| 19/03 | Mỹ - FED quyết định lãi suất<br>EU - ECB quyết định lãi suất<br>Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất<br>Việt Nam – Đáo hạn phái sinh |
| 20/03 | Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục   |
| 31/03 | Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng  |

**Mỹ và Iran phát tín hiệu mâu thuẫn về triển vọng đàm phán ngừng bắn:** Ngày 23/3, Tổng thống Mỹ Donald Trump thông báo ông đã quyết định hoãn kế hoạch tấn công lưới điện của Iran sau khi đã đối thoại rất hiệu quả với quan chức Tehran, nhưng không tiết lộ danh tính người này. Trong khi Chủ tịch Quốc hội Iran, ông Mohammad Bagher Ghalibaf xác nhận "không có cuộc đàm phán nào" được tiến hành với Mỹ. Một quan chức châu Âu thì nói rằng Mỹ và Iran chưa đàm phán trực tiếp, nhưng Ai Cập, Pakistan và các nước vùng Vịnh đang làm trung gian truyền tải thông điệp giữa hai bên.

**Iran cân nhắc thu phí 2 triệu USD đối với một số tàu đi qua eo biển Hormuz:** Iran được cho là đã bắt đầu thu phí tới 2 triệu USD đối với một số tàu thuyền đi qua tuyến hàng hải chiến lược này - động thái chưa từng có tiền lệ, có thể làm thay đổi cán cân kiểm soát tại một trong những "huyết mạch dầu mỏ" của thế giới.

**Thủ tướng Phạm Minh Chính tới Thủ đô Moscow, bắt đầu thăm chính thức Liên bang Nga:** Chiều 22/3 theo giờ địa phương (tối cùng ngày theo giờ Hà Nội), Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cùng đoàn Đại biểu cấp cao Việt Nam đã đến sân bay quốc tế Vnukovo 2, Thủ đô Moscow, bắt đầu thăm chính thức Liên bang Nga từ ngày 22-25/3 theo lời mời của Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga Mikhail Mishustin.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**BSR muốn đổi tên, đặt kế hoạch lợi nhuận giảm 58% năm 2026:** Một trong những nội dung quan trọng trong tài liệu Đại hội cổ đông là phương án đổi tên công ty. Theo đó, BSR dự kiến đổi tên thành Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam. Đối với kế hoạch kinh doanh năm 2026, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất trên 154,140 tỷ đồng, tăng khoảng 7% so với năm 2025. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế dự kiến giảm 58%, đạt 2,162 tỷ đồng. Công ty cũng đặt chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ khoảng 7.7 triệu tấn. Đại hội dự kiến tổ chức ngày 13/4 tại Khách sạn New World Sài Gòn, phường Bến Thành, TP HCM.

**DHG - Lợi nhuận sau kiểm toán của Công ty giảm hàng chục tỷ đồng:** Văn bản giải trình của Dược Hậu Giang nêu rõ nguyên nhân: "Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau kiểm toán là: 852 tỷ đồng, giảm 45 tỷ đồng so với báo cáo tài chính trước khi kiểm toán, chủ yếu do trích bổ sung chi phí hoàn nguyên môi trường và ghi nhận bổ sung thuế tối thiểu toàn cầu. Theo Nghị quyết số 107/2023/QH15, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy mô lớn phải đóng thuế thu nhập với mức sàn tối thiểu 15%.

**VIC - Vingroup muốn mở trạm sạc trong hệ thống sân bay ACV:** Ngày 23/3, Tập đoàn Vingroup và Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (Mã: ACV) đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác toàn diện về việc thúc đẩy chuyển đổi xanh tại hệ thống cảng hàng không. Hai bên không chỉ dừng lại ở phát triển hạ tầng trạm sạc và năng lượng, mà còn xem xét việc hợp tác xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ toàn diện.

**SZL đặt kế hoạch lãi gần 150 tỷ đồng:** Năm 2026, lãnh đạo Công ty dự định trình ĐHCĐ phê duyệt với tổng doanh thu hơn 593 tỷ đồng và lãi sau thuế hơn 148 tỷ đồng, tăng lần lượt 4% và 5% so với kết quả 2025. Năm nay, Doanh nghiệp dự chi gần 526 tỷ đồng để đầu tư xây dựng cơ bản, gấp 2.6 lần năm 2025, đồng thời dự kiến đưa CCN Long Phước 1 quy mô 75 ha vào khai thác vào cuối năm nay. Cổ tức 2026 với tỷ lệ 20%.

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST   | 75,500  | 65,400       | -13.4%              | Bán           |
| BCM   | 67,300  | 73,400       | 9.1%                | Nắm giữ       |
| CTG   | 38,250  | 45,200       | 18.2%               | Tăng tỷ trọng |
| CTD   | 88,600  | 87,050       | -1.7%               | Giảm tỷ trọng |
| CTI   | 24,250  | 27,200       | 12.2%               | Tăng tỷ trọng |
| DBD   | 54,300  | 68,000       | 25.2%               | Mua           |
| DDV   | 31,198  | 35,900       | 15.1%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 73,800  | 99,300       | 34.6%               | Mua           |
| DGW   | 51,200  | 48,300       | -5.7%               | Giảm tỷ trọng |
| DPG   | 47,200  | 53,100       | 12.5%               | Tăng tỷ trọng |
| DPR   | 42,700  | 46,500       | 8.9%                | Nắm giữ       |
| DRI   | 13,508  | 17,200       | 27.3%               | Mua           |
| EVF   | 13,800  | 14,400       | 4.3%                | Nắm giữ       |
| FRT   | 169,000 | 157,600      | -6.7%               | Giảm tỷ trọng |
| GMD   | 84,400  | 77,000       | -8.8%               | Giảm tỷ trọng |
| HAH   | 62,800  | 67,600       | 7.6%                | Nắm giữ       |
| HDG   | 27,300  | 34,500       | 26.4%               | Mua           |
| HHV   | 12,500  | 12,300       | -1.6%               | Giảm tỷ trọng |
| HPG   | 28,800  | 34,300       | 19.1%               | Tăng tỷ trọng |
| IMP   | 54,000  | 55,000       | 1.9%                | Nắm giữ       |
| KDH   | 27,250  | 38,800       | 42.4%               | Mua           |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MSH   | 39,250  | 43,100       | 9.8%                | Nắm giữ       |
| MWG   | 93,100  | 99,600       | 7.0%                | Nắm giữ       |
| NLG   | 27,850  | 39,900       | 43.3%               | Mua           |
| NT2   | 27,750  | 27,700       | -0.2%               | Giảm tỷ trọng |
| PHR   | 63,100  | 72,800       | 15.4%               | Tăng tỷ trọng |
| PNJ   | 121,900 | 113,300      | -7.1%               | Giảm tỷ trọng |
| PVS   | 47,400  | 39,900       | -15.8%              | Bán           |
| PVT   | 24,050  | 18,900       | -21.4%              | Bán           |
| SAB   | 48,400  | 57,900       | 19.6%               | Tăng tỷ trọng |
| SSI   | 32,400  | 39,200       | 21.0%               | Mua           |
| TLG   | 54,500  | 53,400       | -2.0%               | Giảm tỷ trọng |
| TCB   | 36,250  | 35,650       | -1.7%               | Giảm tỷ trọng |
| TCM   | 26,700  | 37,900       | 41.9%               | Mua           |
| TRC   | 78,500  | 94,800       | 20.8%               | Mua           |
| VCB   | 64,900  | 84,200       | 29.7%               | Mua           |
| VPB   | 28,950  | 37,000       | 27.8%               | Mua           |
| VCG   | 19,150  | 26,200       | 36.8%               | Mua           |
| VHC   | 61,500  | 60,000       | -2.4%               | Giảm tỷ trọng |
| VNM   | 68,200  | 66,650       | -2.3%               | Giảm tỷ trọng |
| VSC   | 25,900  | 17,900       | -30.9%              | Bán           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415